TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2018
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Duy Phong

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Lệ H, sinh năm 1977; ĐKHKTT: đường T, phường Đ, quận, thành phố P; tạm trú: đường T, phường Đ, quận, thành phố P; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đồng Đức M, sinh năm 1969; ĐKHKTT: đường T, phường Đ, quận, thành phố P; tạm trú: đường T, phường Đ, quận, thành phố P; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/12/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là chị Dương Lệ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Dương Lệ H và anh Đồng Đức M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Lý do chị H và anh M không đăng ký kết hôn là vì nhận thức và ngay từ ban đầu đã có nhiều mâu thuẫn nên cả hai thống

nhất không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị H và anh M hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, không thể đoàn tụ được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị Hvà anh M là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị H và anh M có hai con chung là E, sinh ngày 13/10/2006 và F, sinh ngày 07/12/2009. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung E và F. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chị H và anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản Biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Đồng Đức M trình bày:

Về hôn nhân: Anh M thống nhất về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh lý do chung sống như vợ chồng với chị H như lời trình bày của chị H. Quá trình chung sống như vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vì tình cảm giữa anh và chị H không còn, không thể hàn gắn được nên anh M đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Dương Lệ H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung như lời trình bày của chị H. Anh đồng ý với yêu cầu nuôi con của chị H.

Về chia tài sản: Anh M và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn là chị Dương Lệ H có mặt, giữ nguyên quan điểm của chị như đã trình bày tại đơn khởi kiệ n, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là anh Đồng Đức M vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến của anh như bản tự khai, quá trình giải quyết tại Toà án và đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa:Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn là anh Đồng Đức M. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Lệ H và anh Đồng Đức M chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết không công nhận quạn hệ hôn nhân giữa chị và anh M. Anh M đồng ý với yêu cầu của chị H. Hội đồng xét xử xét: Mâu thuẫn giữa chị H và anh M phát sinh do hai bên có bất đồng trong quan điểm sống, cả hai đều xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống được. Xét, mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã đến mức trầm trọng, kéo dài; việc chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn của anh chị là không có giá trị pháp lý. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận chị H và anh M là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Xét sự thống nhất nuôi con của chị H và anh M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận: Giao cả hai con E và F cho chị Dương Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chia tài sản: Chị H và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Lệ H và anh Đồng Đức M.

2. Về nuôi con chung: Giao cả hai con chung là E, sinh ngày 13/10/2006 và F, sinh ngày 07/12/2009 cho chị Dương Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Dương Lệ H và anh Đồng Đức M tự thỏa thuận, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Dương Lệ H và anh Đồng Đức M không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Lệ H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011861 ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Dương Lệ H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA dân sự quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến